

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 46/2024/HS-PT
Ngày: 11-7-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2024/TLPT-HS ngày 24 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo **Lê Minh D** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2024/HS-ST ngày 16-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Minh D, sinh năm 2003 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Lê Văn M** và bà **Phạm Thị Yến L**; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Ngày 31/7/2023 bị **Công an xã T, huyện M**, xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, theo Quyết định số 23/QĐ XPVPH. Ngày 09/8/2023 bị Chủ tịch **Ủy ban nhân dân xã V, huyện C** xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, theo QĐ số 205/QĐ-XPHC .

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Trần Nhật Long H** – Luật sư thuộc **Đoàn luật sư tỉnh B** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 30 tháng 7 năm 2023, Lê Minh D điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 36L8-4931 từ xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre đến nhà ông Phan Văn T, sinh năm 1964 ở ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. D quan sát thấy trong nhà không có người nên đột nhập vào sân nhà ông T nhổ lấy 01 cây khế đang trồng trong chậu rồi mang đến nhà ông Ngô Văn T1 ở ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre gửi cho Ngô Công H1 (con ông T1) sau đó D đi về nhà.

Tiếp đến, chiều tối ngày 31/7/2023, D đến nhà H1 chơi gặp Nguyễn Văn T2 sau đó D rủ T2 đi trộm cây kiểng thì T2 đồng ý. Khoảng 01 giờ ngày 01/8/2023, D tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36L8-4931 đến nhà ông T, D kêu T2 đứng bên ngoài, còn D vào sân nhà ông T nhổ lấy 01 cây mai vàng đang trồng trong chậu. Sau đó cả hai mang cây mai đến giấu tại địa bàn xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sáng ngày 01/8/2023, ông T phát hiện tài sản bị mất trộm đã trình báo cơ quan công an. Sau đó hành vi các bị cáo bị phát hiện, tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu.

- Vật chứng tạm giữ:

- + 01 xe mô tô hai bánh không biển số có số khung HTT5X011448, số máy P50FMG011448, màu sơn nâu, nhãn hiệu FANLIM.

- + 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy biển số 36L8-4931 mang tên Ngô Văn H2.

- + 01 cây khế thân cao 90cm, đường kính đế, rễ 100cm, đường kính thân 40cm.

- + 01 cây mai vàng cao 140cm, tán rộng 100cm, đường kính rễ 60cm, đường kính thân 45cm.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐGTS ngày 22/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện M, tỉnh Bến Tre xác định giá trị cây khế là 3.000.000 đồng, giá trị cây mai vàng 4.500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre đã ra Quyết định xử lý vật chứng: Trả cho bị hại Phan Văn T 01 cây khế và 01 cây mai vàng có đặc điểm như trên. Các đồ vật còn lại tiếp tục tạm giữ.

Tại kết luận giám định số 67/KLGĐ ngày 31/01/2024 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố H kết luận tình trạng tâm thần của Lê Minh D như sau:

- + Về y học: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 30/7/2023 và ngày 01/8/2023 Lê Minh D có bị bệnh tâm thần, loại bệnh chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ.

- + Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong và sau khi thực

hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 30/7/2023 **Lê Minh D** hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2024/HS-ST ngày 16-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Minh D** phạm “Tội trộm cắp tài sản”
2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, q, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Minh D** 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Văn T2**; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/4/2024, bị cáo **Lê Minh D** kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **Lê Minh D** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định đúng quy định Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Lê Minh D** phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Xét kháng cáo của bị cáo, về nhân thân bị cáo có bị xử phạt hành chính nên không đủ điều kiện được hưởng án treo, đối với hình phạt 01 năm tù Tòa án cấp sơ đã cân nhắc đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Minh D**, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Đề nghị tuyên bố bị cáo **Lê Minh D** phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173; điểm h, q, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Minh D** 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng: Không tranh luận về tội danh, về tình tiết vụ án, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã trả lại cho chủ sở hữu, bản thân

bị cáo có bệnh hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, từ khi phạm tội đến nay bị cáo không vi phạm gì, bị cáo đang sống với bà ngoại, nương tựa sinh sống với nhau, bị cáo thành khẩn khai báo. Hình phạt 01 năm tù đối với bị cáo là nghiêm khắc. Đề nghị giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Về án treo yêu cầu xem xét theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để ở ngoài làm kiếm tiền lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo kết hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Với động cơ tư lợi cá nhân nên vào ngày 30/7/2023, **Lê Minh D** đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của ông **Phan Văn T** ở ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre 01 cây khế có giá trị 3.000.000 đồng. Đến 01 giờ 30 phút ngày 01/8/2023, **Lê Minh D** cùng **Nguyễn Văn T2** tiếp tục thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của ông **Phan Văn T** 01 cây mai vàng có giá trị 4.500.000 đồng.

Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản mà **Lê Minh D** đã chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Lê Minh D** phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có cơ sở đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm vào tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn; bị cáo phạm tội trong điều kiện bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi theo quy định tại điểm h, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng còn đang uống thuốc điều trị về tình trạng bệnh hạn chế năng lực và sống chung với bà ngoại lớn tuổi (thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự) nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo tạo điều kiện cho bị cáo điều trị bệnh, cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo. Đối với yêu cầu hưởng án treo, do bị cáo có bị xử phạt hành chính nên không đủ điều kiện hưởng án treo. Do vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm, giảm hình phạt tù cho bị cáo.

[4] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Quan điểm của Kiểm sát viên có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Bị cáo **Lê Minh D** không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Lê Minh D**; sửa quyết định của Bản án sơ thẩm giảm hình phạt tù cho bị cáo.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Lê Minh D** phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Minh D** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo **Lê Minh D** không phải chịu.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân huyện Mô Cày Nam (3b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (1b);
- Công an huyện Mô Cày Nam (1b);
- Bị cáo (1b);
- Chi cục THADS h. Mô Cày Nam (1b);
- UBND xã Tân Hội, h. Mô Cày Nam (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh